

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2024/HS-ST
Ngày 22 tháng 11 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Thắng; 2. Ông Văn Công Trọn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thúy Vân- Là Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sang- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 102/2024/TLST-HS, ngày 15 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đinh Văn T, sinh năm 1958; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở nhà trọ: Số B, đường P, khu vực Y, quận C, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Cao Đài; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Văn B (đã chết); Con bà Trần Thị T1 (đã chết); Vợ: Phạm Thị Phương L, sinh năm 1966; con: có 01 người (sinh năm 2006); Anh chị em ruột có 04 người (lớn nhất sinh năm 1955, nhỏ nhất sinh năm 1967); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân xấu. Năm 1994, bị Tòa án nhân dân tỉnh Minh Hải phạt 03 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân*” đã chấp hành xong. Năm 2000, bị Tòa án phúc thẩm tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân*” đã chấp hành xong. Năm 2008, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xử phạt 02 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” đã chấp hành xong năm 2009. Năm 2017, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” đã chấp hành xong năm 2018.

Bị bắt giữ ngày 21/4/2024, sau đó khởi tố chuyên tạm giam đến nay.

Bị cáo bị giam có mặt tại phiên tòa.

2. Lâm Quốc T2, sinh năm 1968; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Chạy xe Honda khách; trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lâm Triệu B1 (đã chết); Con bà Tăng Thị Đ, sinh năm 1945; Vợ: Nguyễn Thị T3, sinh năm 1970; con: chưa có; Anh chị em ruột có 02 người (lớn nhất sinh năm 1964, nhỏ nhất bị cáo); Tiền án: 02. Năm 2008, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” đã chấp hành xong năm 2009. Năm 2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phạt 10 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” đã chấp hành xong năm 2019, đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 28/9/2011, án phí phúc thẩm chưa thi hành xong; Tiền sự: Không; Nhân thân xấu. Năm 1990, bị Tòa án nhân dân huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xử phạt 18 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản của công dân*” đã chấp hành xong.

Bị bắt giữ ngày 21/4/2024, sau đó khởi tố chuyển tạm giam đến nay.

Bị cáo bị giam có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Võ Quốc D- Văn phòng luật sư Nguyễn Văn M thuộc Đoàn luật sư tỉnh C (có mặt).

- *Bị hại:* Bà Lê Thị A, sinh năm: 1951; Địa chỉ: ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị Phương L, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2008, Đinh Văn T và Lâm Quốc T2 có quen biết nhau trong thời gian chấp hành án. Đến khoảng tháng 02/2024, T gặp lại T2 tại bến xe C cũ thuộc phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. T tiếp tục rủ T2 kiếm người lớn tuổi có đeo vàng đứng đón xe tại nơi công cộng, dụ đi xe ôm rồi dàn cảnh lừa đổi vàng giả lấy vàng thật bán lấy tiền chia nhau xài thì T2 đồng ý. Cả hai bàn bạc và đưa ra kế hoạch phân công vai trò, nhiệm vụ cụ thể là T chuẩn bị vàng giả và đóng giả người chạy xe ôm tiếp cận người bị hại để dụ đi xe ôm, còn T2 chạy xe theo sau. Trong lúc chờ bị hại đi. T giả vờ dùng xe lại đi tiểu để cho T2 tiếp cận người bị hại, T2 đóng giả là chủ tiệm vàng, nói T là người nước ngoài có đô la M1 muốn đổi với T2 nhưng T không rành tiền Việt Nam, rồi cả hai nhờ người bị hại đếm tiền giùm rồi T cho tiền xài. Sau

khi bị hại đồng ý, thì Trung kiều bị hại qua xe của T2 chở bị hại về tiệm vàng để đổi vàng, nhưng thực tế là chở bị hại kiếm đoạn đường vắng người qua lại để dàn cảnh đổi vàng giả để chiếm đoạt vàng thật của bị hại.

Để thực hiện ý định, vào sáng ngày 14/4/2024, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha màu xám-trắng, biển số kiểm soát 66H1-162.12 do bà Phạm Thị Phương L đứng tên chủ sở hữu. T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave RS màu đỏ -đen, biển kiểm soát 65HA-053.60 do bà Nguyễn Thị T3 đứng tên chủ sở hữu, cùng đi từ Thành phố Cần Thơ đến huyện T hướng lộ Tắc Thủ đến thị trấn S. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, cả hai đến trạm xe buýt thuộc ấp R, xã K thì T phát hiện bà Lê Thị A, sinh năm 1951, cư trú ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau đứng đón xe buýt đi về nhà trên người bà A có đeo nữ trang gồm: 01 chiếc nhẫn vàng 24k; 01 nhẫn hột cẩm thạch màu xanh bằng kim loại màu vàng và 01 nhẫn hột màu đỏ hình nút rô vàng 18k. T hỏi bà A “Dì đi xe ôm không, con chở cho”? khi thỏa thuận giá 20.000 đồng thì bà A đồng ý đi. T điều khiển chở bà A chạy khoảng vài trăm mét gặp khu đất trống thì giả vờ dừng xe lại để đi tiểu để cho T2 tiếp cận bà A. T2 nói với bà A, T2 là chủ tiệm V1 và giới thiệu T ở nước ngoài về có nhu cầu đổi tiền đô la M1 nhưng không biết giá, T2 nói với bà A đô la giờ hai mươi mấy triệu trên một ngàn đô, T2 ém giá mười bảy triệu trên một ngàn đô, T2 kêu bà A nói vậy, T2 sẽ cho bà A 2.000.000 đồng uống cà phê. Lúc này T đi lại chỗ T2 và bà A, T giả vờ hỏi T2 “tiền đô giờ bao nhiêu” T2 nói với T “giờ giá mười bảy, mười tám nghìn trên một đô, không tin hỏi dì này”. Bà A nói đúng, T mới nói với bà A “tôi không rành tiền Việt Nam dì đổi đếm tiền dùm, tôi cho dì 2.000.000 đồng uống cà phê”, bà A T4 là thật nên đồng ý và lên xe để T2 chở đến tiệm V1 đếm tiền cho T nhưng thực tế là chở bà A đến đoạn đường vắng để lừa dối đổi lấy vàng thật của bà A. T điều khiển xe chạy trước, T2 điều khiển xe chạy theo sau. Khi vừa qua cầu ông B2 lớn, T điều khiển xe quẹo phải vào lộ nông thôn, chạy khoảng 200m thì thấy bụi chuối ven đường vắng người qua lại nên T và T2 dừng xe lại. T, T2 và bà A ngồi cặp mé lộ, T2 nói dối với bà A đếm tiền ở đây luôn. Lúc này, T lấy từ trong túi áo ra 01 miếng vàng giả có đặc điểm kích thước 03cm x 05cm, màu vàng, một mặt có 4 số “9”, mặt còn lại có hình con rồng (loại vàng giả cúng thần tài, có đặc điểm giống như vàng thật T mua tại chợ lớn Cần Thơ) đưa ra hỏi T2 “giờ miếng vàng này bao nhiêu chỉ, anh mua bao nhiêu”. T2 giả vờ nói “miếng vàng của anh 8 chỉ, giá 5 triệu một chỉ, không tin hỏi dì này”. Nghe xong, T giả vờ nói với T2 “giờ muốn đổi vàng nữ trang”. T2 nói “ở đây T2 không có muốn thì về tiệm vàng”. T quay qua bà A chỉ tay vào chiếc nhẫn vàng chơn của bà A hỏi “chiếc nhẫn này của dì khoản bao nhiêu”, T2 biết nhẫn vàng của bà A là 02 chỉ nhưng cố tình nói 5 chỉ, T tiếp tục chỉ qua 02 chiếc nhẫn của bà A đang đeo và hỏi T2 bao nhiêu, T2 nói 02 chỉ và 01 chỉ đủ đổi số vàng của anh. T tiếp tục giả vờ nói với bà A “Vậy dì đổi với con đi”, bà A thấy có lời nên đồng ý đổi. Bà A L1 03 chiếc nhẫn đang đeo trên tay gồm 01 chiếc nhẫn chơn vàng 24k trọng lượng 02 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 18k có hột màu đỏ trọng lượng 06 phân và 01 nhẫn vàng có hột màu xanh (vàng giả) đưa cho T, T đưa cho bà A M2 vàng giả, khi lấy được vàng của

bà A, T và T2 lên xe bỏ đi. Lúc này bà A phát hiện bị gạt nên điện thoại báo vụ việc cho Công an ấp R. Đến ngày 18/4/2024, bà A đến Công an xã K trình báo và giao nộp miếng kim loại màu vàng cho Cơ quan Công an.

Đối với T và T2, sau khi chiếm đoạt số vàng của bà A, thì cả hai đến thuê nhà trọ V2, tại ấp A, xã T, thành phố C ngủ qua đêm. Đến sáng ngày 15/4/2024, cả hai điều khiển xe chạy về thành phố Cần Thơ đến tiệm V3, địa chỉ: Số I, Hồ T, phường C, quận N bán số vàng chiếm đoạt của bà A được 14.450.000 đồng, chia đôi mỗi người được 7.225.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Đến ngày 21/4/2024, cả hai bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bắt giữ.

Kết luận giám định số 19/KL-ĐGTS ngày 26/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thuộc Ủy ban nhân dân huyện T kết luận:

01 nhẫn kim loại màu vàng có hột màu xanh (nhẫn giả) mua cách đây 02 năm giá 30.000 đồng. Giá trị không đồng; Vàng 24k trọng lượng 02 chỉ x 7.140.000 đồng=14.280.000 đồng; Vàng 18k trọng lượng 6 phân x 4.600.000 đồng =2.760.000 đồng. Tổng giá trị 17.040.000 đồng.

- Vật chứng gồm: Thu giữ của Đinh Văn T: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave anpha màu xám, biển số kiểm soát 66H1-162.12; 01 điện thoại di động hiệu samsung đã qua sử dụng; 85 viên nén hình tròn màu cam; 83 viên nén hình tròn màu trắng; 04 sấp giấy báo có dính thảo mộc khô nghiền nhỏ; 01 chai thủy tinh có nắp màu cam có chứa tinh dầu màu xanh; 01 chai nhựa màu xám loại nhỏ giọt 15ml; 05 cục khăn giấy đã qua sử dụng; 02 nón bảo hiểm (0 nón màu xanh và 01 nón màu xanh tím); 01 đôi dép đen loại bạch đầu; 01 nón kết vải màu rằn ri màu đen; 01 thắt lưng da màu đen; 01 đôi găng tay màu xanh đen loại hở đầu ngón tay; tiền Việt Nam 1.000.000 đồng; 01 áo sơ mi vải dài tay màu xanh; 01 áo sơ mi vải màu xám đen; 01 quần vải dài màu nâu- đen bên trong lưng quần có chữ Anphuoc size 30; 01 quần vải dài màu đen bên ngoài lưng quần có chữ Fashion size 31; 01 áo vải dài tay màu xám –trắng; 01 quần vải dài màu đen phía sau lưng quần có dòng chữ class size 31; 01 miếng kim loại màu vàng 3cm x 5cm, một mặt có ghi 9999, một mặt có ghi Creditsursse.

Thu giữ của Lâm Quốc T2: 01 xe mô tô Honda Wave RS màu đỏ-đen, biển số kiểm soát 65HA-053.60; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số kiểm soát 65HA-053.60; 01 đôi dép màu nâu, đế dép có chữ D1; 01 áo mưa kiểu cánh dơi màu nâu; 01 đôi găng tay màu đen có chữ @; 01 đôi găng tay màu đen loại hở đầu ngón tay; 11 túi đựng vàng bằng giấy màu trắng có chữ màu đỏ; 01 túi đựng vàng bằng giấy màu đen chữ màu hồng, màu vàng; 01 túi nilon màu trắng bên trong có 03 khẩu trang y tế màu xanh; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng phía sau có chữ Mhelegant; 02 áo sơ mi dài tay màu xám (01 áo có chữ V và 01 áo có chữ V); 02 quần jean màu xanh; 01 nón bảo hiểm kiểu nón kết màu nâu; 01 nón kết bằng vải màu xanh có chữ LS; 02 quần jean màu xanh chơn; 01 bọc nilon màu trắng có chứa miếng kim loại màu vàng kích thước 3cm x 5cm mặt trước có chữ 9999, mặt sau có nhiều chữ Creditsursse; 01 hộp nhựa màu đỏ (loại đựng vàng) bên trong có chứa 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng có đính đá màu trắng; 01 móc khóa bằng kim loại màu vàng; 02 túi đựng vàng

bằng giấy có chữ màu đỏ; 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 01 túi vải nhung màu đỏ có chữ tiệm V4 bên trong có 01 túi nhựa màu trắng chứa 01 miếng kim loại màu vàng; 01 hộp nhựa màu trắng, nắp có viền màu vàng bên trong có 12 chiếc nhẫn kim loại màu vàng; 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng có đính đá; 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng có đính đá; 01 hộp nhựa màu đỏ; 01 bọc nylon màu trắng bên trong có 05 sợi dây chuyền kim loại màu vàng và 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng.

Thu giữ của bà Lê Thị A: 01 miếng kim loại màu vàng- đen có nhiều mảnh giấy kích thước 3cm x 5cm được đựng trong bọc nylon màu trắng hàn kín được đựng trong túi giấy có dòng chữ “Chuyên mua bán-gia công nữ trang vàng 18k 24k-9999 bảo đảm chất lượng theo model”.

*/ Tại Cáo trạng số: 101/CT-VKS ngày 15/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời truy tố Đinh Văn T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo a khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Truy tố Lâm Quốc T2 về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo a, d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, các bị cáo Đinh Văn T và Lâm Quốc T2 thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng, không oan sai; các lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra là do các bị cáo tự nguyện khai; không ai ép cung, mớm cung gì đối với các bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã khắc phục bồi thường cho bị hại số tiền 11.520.000 đồng (Trong đó bị cáo T 3.000.000 đồng, bị cáo T2 8.520.000 đồng); bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo T2.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Phương L và bà Nguyễn Thị T3 có yêu cầu xin được nhận lại xe máy. Bà L và bà T3 đều không biết các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm luận tội: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Đinh Văn T và Lâm Quốc T2 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Đinh Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Đối với bị cáo T2 đến giai đoạn xét xử có cung cấp được biên lai đã nộp tiền án phí phúc thẩm ngày 27/12/2011 là có cơ sở nên không áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174 để truy tố đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Đinh Văn T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường 02 chỉ vàng 24k, 06 phân vàng 18k, tương đương số tiền 14.040.000 đồng tại thời điểm định giá. Tại phiên tòa bị hại yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền

trước giá do giá vàng có thay đổi tính đến ngày xét xử sơ thẩm các bị cáo thống nhất bồi thường thêm số tiền 4.160.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 584 và 589 của Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự thỏa thuận của các bị cáo với bị hại. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 2.080.000 đồng. Bị cáo T đã nộp 3.000.000 đồng, bị cáo phải nộp tiếp số tiền 7.600.000 đồng. Bị cáo T2 đã nộp số tiền 8.520.000 đồng, bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 2.080.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, 48 của Bộ luật dân sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: *Tịch thu tiêu hủy*: Của bị cáo T: 85 viên nén hình tròn màu cam; 83 viên nén hình tròn màu trắng; 04 sấp giấy báo có dính thảo mộc khô nghiền nhỏ; 01 chai thủy tinh có nắp màu cam có chứa tinh dầu màu xanh; 01 chai nhựa màu xám loại nhỏ giọt 15ml; 05 cục khăn giấy đã qua sử dụng; 02 nón bảo hiểm (01 nón màu xanh và 01 nón màu xanh tím); 01 đôi dép đen loại bạch đầu; 01 nón kết vải màu rằn ri màu đen; 01 thắt lưng da màu đen; 01 đôi găng tay màu xanh đen loại hở đầu ngón tay; 01 áo sơ mi vải dài tay màu xanh; 01 áo sơ mi vải màu xám đen; 01 quần vải dài màu nâu- đen bên trong lưng quần có chữ Anphuc size 30; 01 quần vải dài màu đen bên ngoài lưng quần có chữ Fashion size 31; 01 áo vải dài tay màu xám –trắng; 01 quần vải dài màu đen phía sau lưng quần có dòng chữ class size 31; 01 miếng kim loại màu vàng 3cm x 5cm, một mặt có ghi 9999, một mặt có ghi Creditsursse.

Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động hiệu samsung đã qua sử dụng. Đối với tiền Việt Nam 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý chuyển qua nộp khắc phục cho bị hại

T5 lại cho bà Phạm Thị Phương L 01 xe mô tô hiệu Honda Wave anpha màu xám, biển số kiểm soát 66H1-162.12.

Tịch thu tiêu hủy: Của bị cáo T2: 01 áo mưa kiểu cánh dơi màu nâu; 01 đôi găng tay màu đen có chữ @; 01 đôi găng tay màu đen loại hở đầu ngón tay; 11 túi đựng vàng bằng giấy màu trắng có chữ màu đỏ; 01 túi đựng vàng bằng giấy màu đen chữ màu hồng, màu vàng; 01 túi nilon màu trắng bên trong có 03 khẩu trang y tế màu xanh;; 01 nón bảo hiểm kiểu nón kết màu nâu; 01 nón kết bằng vải màu xanh có chữ LS; 01 bọc nilon màu trắng có chứa miếng kim loại màu vàng kích thước 3cm x 5cm mặt trước có chữ 9999, mặt sau có nhiều chữ Creditsursse.

Tịch thu tiêu hủy: 01 miếng kim loại màu vàng-đen có nhiều mảnh giấy kích thước 3cm x 5cm được đựng trong bọc nilon màu trắng hàn kín được đựng trong túi giấy có dòng chữ “Chuyên mua bán -gia công nữ trang vàng 18k, 24k-9999 bảo đảm chất lượng làm theo model của bà Lê Thị A.

Trả lại cho bị cáo: 01 đôi dép màu nâu, đế dép có chữ D1; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng phía sau có chữ Mhelegant; 02 áo sơ mi dài tay màu xám (01 áo có chữ V và 01 áo có chữ V); 02 quần jean màu xanh; 02 quần jean màu xanh chon; 01 hộp nhựa màu đỏ (loại đựng vàng) bên trong có chứa 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng có đính đá màu trắng; 01 móc khóa bằng kim loại màu vàng; 02 túi đựng vàng bằng giấy có chữ màu đỏ; 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 01 túi vải nhung màu đỏ có chữ tiệm V4 bên trong có 01 túi nhựa màu trắng chứa 01 miếng

kim loại màu vàng; 01 hộp nhựa màu trắng, nắp có viền màu vàng bên trong có 12 chiếc nhẫn kim loại màu vàng; 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng có đính đá; 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng có đính đá; 01 hộp nhựa màu đỏ; 01 bọc nilon màu trắng bên trong có 05 sợi dây chuyền kim loại màu vàng và 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T3: 01 xe mô tô Honda Wave RS màu đỏ-đen, biển số kiểm soát 65HA-053.60; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số kiểm soát 65HA-053.60.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T2 có quan điểm thống nhất về hành vi của bị cáo như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Tuy nhiên, về hình phạt đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để áp dụng hình phạt nhẹ nhất đối với bị cáo. Lý do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và bị cáo chỉ đồng phạm với vai trò giúp sức

Bị cáo không tham gia tranh luận chỉ nói lời sau cùng là xin Hội đồng xét xử giảm mức án nhẹ để sớm về với gia đình do bị cáo T2 hiện đang nuôi mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn T6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Kết quả thẩm vấn, tranh luận công khai tại phiên tòa và thảo luận nghị án của HĐXX cho thấy đã có đủ cơ sở để kết luận diễn biến nội dung vụ án như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời mô tả và truy tố. Các bị cáo Đinh Văn T và Lâm Quốc T2 đã thừa nhận dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại bằng cách giả vờ dàn cảnh đổi vàng giả để chiếm đoạt vàng thật. Với thủ đoạn đó, các bị cáo đã chiếm đoạt của bà Lê Thị A, số vàng 02 chỉ vàng 24k và 06 phân vàng 18k, tương đương số tiền 17.040.000 đồng tại thời điểm định giá. Để thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo Đinh Văn T và Lâm Quốc T2 đã bàn bạc thống nhất ý chí; phân công vai trò nhiệm vụ cụ thể cho từng người; chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội. Đã cấu kết chặt chẽ trước và trong khi thực hiện hành vi phạm tội (ai sẽ là người chuẩn bị vàng giả, ai sẽ là người tiếp cận bị hại). Trong đó T là người chủ động rủ rê, là người lên kế hoạch rồi bàn bạc phân công vai trò, nhiệm vụ,

chỉ cách thức chiếm đoạt vàng cho bị cáo T2 biết. Bị cáo T2 là đồng phạm giữ vai trò giúp sức tích cực, khi tiếp cận được bị hại thì bị cáo kêu bị hại qua xe để bị cáo chở đến tiệm vàng để đổi vàng nhưng thật chất là chở bị hại kiểm đoạn đường vắng người qua lại để dàn cảnh đổi vàng giả lấy vàng thật của bị hại A và nếu không có bị cáo T2 thì bị cáo T sẽ không thực hiện được hành vi phạm tội.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Đinh Văn T và Lâm Quốc T2 về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi và nhân thân của các bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo Đinh Văn T và Lâm Quốc T2 là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo là người đã trưởng thành hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi và biết rõ khi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do tham lam, lười lao động, lại muốn có tiền chi xài cá nhân các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Những người bị hại mà các bị cáo chiếm đoạt là những người lớn tuổi, có cuộc sống khó khăn trong xã hội. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây mất tình hình an ninh trật tự xã hội nói chung, tình hình trị an ở địa phương nói riêng. Bản thân các bị cáo có nhân thân không tốt. Bị cáo T đã bị kết án nhiều lần về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo T2 cũng đã bị kết án nhiều lần về các tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mua bán trái phép chất ma túy và cướp giật tài sản. Mặc dù lần phạm tội này các bị cáo được đương nhiên xóa án tích thì coi như chưa bị kết án, nhưng điều này cũng cho thấy tuy đã được cải tạo, giáo dục, các bị cáo vẫn không rèn luyện, tu dưỡng để trở thành người công dân có ích cho xã hội mà ngược lại vẫn tiếp tục sống buông thả để ngày càng lún sâu vào con đường phạm tội và lần phạm tội này đối với bị hại Lê Thị A, sinh năm 1951 là người cao tuổi (trên 70 tuổi) theo quy định của pháp luật là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự

Do đó, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với các bị cáo mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

Tuy nhiên, tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, trong quá trình điều tra các bị cáo đã tác động gia đình nộp khắc phục hậu quả cho phía bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và bảo nại cho bị cáo T2. Bị cáo T có ông N là liệt sỹ nên xem đây là tình tiết làm căn cứ giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị A yêu cầu các bị cáo Đinh Văn T và L2 bồi thường số tiền 17.040.000 đồng. Trong gia đoạn điều tra bà Nguyễn Thị T3 (vợ của bị cáo T2) đã nộp khắc phục số tiền 8.520.000 đồng. Bà Phạm Thị Phương L (vợ của bị cáo T) đã nộp khắc phục 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà A yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm số tiền trực giá do tại thời điểm xét xử sơ thẩm giá vàng trên

thị trường có thay đổi so với thời điểm phạm tội trên lịch số tiền 4.160.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của bà A là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa bị cáo T thống nhất số tiền 1.000.000 đồng đã thu giữ của bị cáo chuyển sang nộp khắc phục cho bị hại nên buộc bị cáo phải nộp tiếp cho bị hại số tiền 7.600.000 đồng. Buộc bị cáo T2 bồi thường tiếp số tiền 2.080.000 đồng.

[5] Xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Wave Anpha màu xám, biển số kiểm soát 66H1-162.12 đứng tên Phạm Thị Phương L và 01 xe mô tô Honda Wave RS màu đỏ-đen, biển số kiểm soát 65HA-053.60; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số kiểm soát 65HA-053.60 đứng tên Nguyễn Thị T3. Xét thấy, bà L và bà T3 không biết các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho chủ sở hữu; 01 điện thoại di động hiệu samsung đã qua sử dụng của bị cáo T. Bị cáo không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo. Đối với tiền Việt Nam 1.000.000 đồng thu giữ của bị cáo T. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý khắc phục cho bị hại:

Đối với 01 đôi dép màu nâu, đế dép có chữ D1; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng phía sau có chữ Mhelegant; 02 áo sơ mi dài tay màu xám (01 áo có chữ V và 01 áo có chữ V); 02 quần jean màu xanh; 02 quần jean màu xanh chơn; 01 hộp nhựa màu đỏ (loại đựng vàng) bên trong có chứa 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng có đính đá màu trắng; 01 móc khóa bằng kim loại màu vàng; 02 túi đựng vàng bằng giấy có chữ màu đỏ; 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 01 túi vải nhung màu đỏ có chữ tiệm V4 bên trong có 01 túi nhựa màu trắng chứa 01 miếng kim loại màu vàng; 01 hộp nhựa màu trắng, nắp có viền màu vàng bên trong có 12 chiếc nhẫn kim loại màu vàng; 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng có đính đá; 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng có đính đá; 01 hộp nhựa màu đỏ; 01 bọc nilon màu trắng bên trong có 05 sợi dây chuyền kim loại màu vàng và 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng. Xét thấy, đây là tài sản cá nhân của bị cáo, Tại phiên tòa bị cáo yêu cầu được nhận lại nên trả lại cho bị cáo T2.

Đối với: 85 viên nén hình tròn màu cam; 83 viên nén hình tròn màu trắng; 04 sấp giấy báo có đính thảo mộc khô nghiền nhỏ; 01 chai thủy tinh có nắp màu cam có chứa tinh dầu màu xanh; 01 chai nhựa màu xám loại nhỏ giọt 15ml; 05 cục khăn giấy đã qua sử dụng; 02 nón bảo hiểm (01 nón màu xanh và 01 nón màu xanh tím); 01 đôi dép đen loại bạch đầu; 01 nón kết vải màu rằn ri màu đen; 01 thắt lưng da màu đen; 01 đôi găng tay màu xanh đen loại hở đầu ngón tay; 01 áo sơ mi vải dài tay màu xanh; 01 áo sơ mi vải màu xám đen; 01 quần vải dài màu nâu- đen bên trong lưng quần có chữ Anphuoc size 30; 01 quần vải dài màu đen bên ngoài lưng quần có chữ Fashion size 31; 01 áo vải dài tay màu xám –trắng; 01 quần vải dài màu đen phía sau lưng quần có dòng chữ class size 31; 01 miếng kim loại màu vàng 3cm x 5cm, một mặt có ghi 9999, một mặt có ghi Creditsursse. Của bị cáo T.

Đối với 01 áo mưa kiểu cánh dơi màu nâu; 01 đôi găng tay màu đen có chữ @; 01 đôi găng tay màu đen loại hở đầu ngón tay; 11 túi đựng vàng bằng giấy màu trắng có chữ màu đỏ; 01 túi đựng vàng bằng giấy màu đen chữ màu hồng, màu vàng; 01 túi nilon màu trắng bên trong có 03 khẩu trang y tế màu xanh;; 01 nón bảo hiểm kiểu

nón kết màu nâu; 01 nón kết bằng vải màu xanh có chữ LS; 01 bọc nilon màu trắng có chưa miếng kim loại màu vàng kích thước 3cm x 5cm mặt trước có chữ 9999, mặt sau có nhiều chữ Creditsursse Của bị cáo T2 và 01 miếng kim loại màu vàng-đen có nhiều mảnh giấy kích thước 3cm x 5cm được đựng trong bọc nilon màu trắng hàn kín được đựng trong túi giấy có dòng chữ “Chuyên mua bán -gia công nữ trang vàng 18k, 24k-9999 bảo đảm chất lượng làm theo model. Xét thấy những đồ vật trên không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Đối với khối lượng ma túy 0,099gam, loại cần sa thu giữ trong cốp xe của bị cáo T, T khai là của người tên K (không rõ họ tên địa chỉ) đến nhà T chơi và mượn xe của T đi công việc, khi trả xe có để mấy tờ báo trong cốp xe, T không để ý. Sau này T mới được cơ quan điều tra cho biết đó là cần sa. Do không xác định được lai lịch người tên K nên cơ quan điều tra chưa làm việc được. Vì vậy, Cơ quan điều tra tách ra để xác minh xử lý sau.

[7] Đối với vụ việc bà Lê Út N1, sinh năm 1952, cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau đến Công an huyện T, trình báo bị hại đối tượng nam giới tiếp cận lừa lấy vàng thật đổi 01 thẻ vàng giả tại khu vực cầu T thuộc khóm E, thị trấn T, huyện T. Giai đoạn điều tra bị can T và T2 không thừa nhận có chiếm đoạt vàng của bà N1 nên không đủ căn cứ xử lý các bị can. Vì vậy cơ quan điều tra tách ra tiếp tục xác minh làm rõ có căn cứ xử lý sau.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Án phí dân sự. Do bị cáo T trên 60 tuổi thuộc trường hợp người cao tuổi nên xét miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật. Buộc bị cáo T2 phải chịu án phí dân sự trên số tiền buộc trả cho bị hại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 65, 106, 136, 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Đinh Văn T và Lâm Quốc T2 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được

sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ ngày 21/4/2024.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt: Bị cáo Lâm Quốc T2 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ ngày 21/4/2024

3. Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị A được nhận lại số tiền 11.520.000 đồng mà các bị cáo đã nộp khắc phục theo giấy nộp tiền ngày 05/9/2024, số tiền 9.520.000 đồng (bl 390-391) và giấy nộp tiền ngày 12/9/2024, số tiền 2.000.000 đồng (392-393) khi án có hiệu lực.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Đinh Văn T bồi thường cho bà Lê Thị A số tiền 7.600.000 đồng (*Bảy triệu sáu trăm nghìn đồng*). Buộc bị cáo T bồi thường cho bà Lê Thị A, số tiền 2.080.000 đồng (*Hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*)

Kể từ ngày bà Lê Thị A có đơn thi hành án mà bị cáo Đinh Văn T và Lâm Quốc T2 chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải trả cho bà A khoản lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về biện pháp tư pháp: *Tịch thu tiêu hủy*: 85 viên nén hình tròn màu cam; 83 viên nén hình tròn màu trắng; 04 sấp giấy báo có dính thảo mộc khô nghiền nhỏ; 01 chai thủy tinh có nắp màu cam có chứa tinh dầu màu xanh; 01 chai nhựa màu xám loại nhỏ giọt 15ml; 05 cục khăn giấy đã qua sử dụng; 02 nón bảo hiểm (01 nón màu xanh và 01 nón màu xanh tím); 01 đôi dép đen loại bịch đầu; 01 nón kết vải màu rằn ri màu đen; 01 thắt lưng da màu đen; 01 đôi găng tay màu xanh đen loại hở đầu ngón tay; 01 áo sơ mi vải dài tay màu xanh; 01 áo sơ mi vải màu xám đen; 01 quần vải dài màu nâu- đen bên trong lưng quần có chữ Anphuc size 30; 01 quần vải dài màu đen bên ngoài lưng quần có chữ Fashion size 31; 01 áo vải dài tay màu xám –trắng; 01 quần vải dài màu đen phía sau lưng quần có dòng chữ class size 31; 01 miếng kim loại màu vàng 3cm x 5cm, một mặt có ghi 9999, một mặt có ghi Creditsursse; 01 áo mưa kiểu cánh dơi màu nâu; 01 đôi găng tay màu đen có chữ @; 01 đôi găng tay màu đen loại hở đầu ngón tay; 11 túi đựng vàng bằng giấy màu trắng có chữ màu đỏ; 01 túi đựng vàng bằng giấy màu đen chữ màu hồng, màu vàng; 01 túi nilon màu trắng bên trong có 03 khẩu trang y tế màu xanh; 01 nón bảo hiểm kiểu nón kết màu nâu; 01 nón kết bằng vải màu xanh có chữ LS; 01 bọc nilon màu trắng có chứa miếng kim loại màu vàng kích thước 3cm x 5cm mặt trước có chữ 9999, mặt sau có nhiều chữ Creditsursse; 01 miếng kim loại màu vàng-đen có nhiều mảnh giấy kích thước 3cm x 5cm được đựng trong bọc nilon màu trắng hàn kín được đựng trong túi giấy có dòng chữ “Chuyên mua bán -gia công nữ trang vàng 18k, 24k-9999 bảo đảm chất lượng làm theo model.

Trả lại cho bị cáo T: 01 điện thoại di động hiệu S đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo T2: 01 đôi dép màu nâu, đế dép có chữ D1; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng phía sau có chữ Mhelegant; 02 áo sơ mi dài tay màu xám (01 áo có chữ V và 01 áo có chữ V); 02 quần jean màu xanh; 02 quần jean màu xanh chơn; 01 hộp nhựa màu đỏ (loại đựng vàng) bên trong có chứa 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng có đính đá màu trắng; 01 móc khóa bằng kim loại màu vàng; 02 túi đựng vàng bằng giấy có chữ màu đỏ; 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 01 túi vải nhung màu đỏ có chữ tiệm V4 bên trong có 01 túi nhựa màu trắng chứa 01 miếng kim loại màu vàng; 01 hộp nhựa màu trắng, nắp có viền màu vàng bên trong có 12 chiếc nhẫn kim loại màu vàng; 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng có đính đá; 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng có đính đá; 01 hộp nhựa màu đỏ; 01 bọc nilon màu trắng bên trong có 05 sợi dây chuyền kim loại màu vàng và 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng

Trả lại cho bà Phạm Thị Phương L: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave anpha màu xám, biển số kiểm soát 66H1-162.12.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T3: 01 xe mô tô Honda Wave RS màu đỏ-đen, biển số kiểm soát 65HA-053.60 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số kiểm soát 65HA-053.60.

(Các vật chứng trên hiện chi cục thi hành án dân sự quản lý theo biên bản giao nhận ngày 22/11/2024).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Đinh Văn T và Lâm Quốc T2 phải nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo 200.000 đồng (chưa nộp).

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo T được miễn theo quy định của pháp luật. Bị cáo T2 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CAND huyện Trần Văn Thời ;
- THADS huyện Trần Văn Thời;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công